TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2026/DS - ST
Ngày 20/01/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi

Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2025/TLST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST - DS ngày 30/12/2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ (S)

Địa chỉ: Số 189, đường K, phường H, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Văn T1 - Chủ tịch HĐQT.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Đình K1 - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.

(Theo Giấy ủy quyền số 468/2023/UQ- S ngày 18/7/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đ).

- *Người được ủy quyền lại:*

+ Ông Lê Xuân H1 - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Thanh Hóa.

(Theo Giấy ủy quyền số 10616/2023/UQ- S ngày 19/7/2023 của Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S).

+ Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1991

+ Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1990

Chuyên viên xử lý nợ địa bàn miền Trung - Ngân hàng TMCP S.

Cùng địa chỉ: Số 19 P, phường H2, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo Giấy ủy quyền số 869/2024/UQ- S ngày 22/01/2024 của Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S).

* *Bị đơn:* - Ông Phạm Ngọc C, sinh năm 1980

Căn cước công dân số: 038080030176

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1981

Căn cước công dân số: 038181012358

Đều ĐKHKTT: Thôn Đ1, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T có quan hệ vay vốn tại Phòng giao dịch Trường Thi - S Thanh Hóa theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023:

Số tiền vay: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày S mở hạn mức thấu chi 27/6/2023.

Mục đích vay: Tiêu dùng phục vụ đời sống.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 14,29%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất được cố định trong suốt thời hạn vay vốn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa S và bên vay.

Lãi suất quá hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời hạn chậm trả.

Kỳ hạn trả nợ: Trả lãi vào ngày 20 hàng tháng. Trả gốc vào ngày kết thúc thời hạn duy trì HMTC.

+ Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023:

Số tiền vay: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Thời hạn vay: 36 tháng.

Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân.

Lãi suất cho vay: Theo dư nợ sử dụng.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Kỳ hạn trả nợ: Hàng tháng.

Số tiền S đã giải ngân và ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T đã chi tiêu theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 là: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023 là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 581-2, tờ bản đồ số 3, diện tích: 90,4m^2. Địa chỉ thửa đất: Xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T2, tỉnh Thanh Hóa). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 646440, số vào sổ cấp GCN: CH - 01878 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 14/11/2019 cho bà Phạm Thị M. Ngày 21/10/2022 đã tặng cho toàn bộ thửa đất cho bà Lê Thị T theo hồ sơ số 000137.TA.001. Tài sản này đã được thế chấp tại S theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số REF2317300238/HDTC/TH2-PNC/1 ngày 23/6/2023 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho S kể từ ngày 20/9/2023 cho đến nay. S đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T trả nợ nhưng ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T vẫn không thực hiện theo yêu cầu của ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 08/12/2025, ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T đã trả cho S theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 là: Tiền gốc: 0đ, tiền lãi: 8.751.427đ. (Tám triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng). Ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T đã quá hạn tại S 784 ngày và còn nợ S số tiền là 627.723.327đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), cụ thể như sau:

- Hợp cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 là:

Nợ gốc: 400.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 48.703.450đ, nợ lãi quá hạn: 133.446.265đ. Tổng cộng: 582.149.715đ.

+ Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023:

Nợ gốc: 20.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 2.578.674đ, nợ lãi quá hạn: 22.994.938đ. Tổng cộng: 45.573.612đ.

Tổng dư nợ của 02 Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc: 420.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 51.282.124đ, nợ lãi quá hạn: 156.441.203đ. Tổng cộng: 627.723.327đ (Sáu

trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

Nay Ngân hàng buộc ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S tạm tính đến ngày 08/12/2025 tổng dư nợ của 02 Hợp đồng tín dụng là : Nợ gốc: 420.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 51.282.124đ, nợ lãi quá hạn: 156.441.203đ. Tổng cộng: 627.723.327đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

Buộc ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T tiếp tục thanh toán cho S số tiền lãi phát sinh theo các mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023 và Giấy nhận nợ kèm theo kể từ ngày 09/12/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành nếu ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 581-2, tờ bản đồ số 3, diện tích: 90,4m^2. Địa chỉ thửa đất: Xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T2, tỉnh Thanh Hóa). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 646440, số vào sổ cấp GCN: CH - 01878 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 14/11/2019 cho bà Phạm Thị M. Ngày 21/10/2022 đã tặng cho toàn bộ thửa đất cho bà Lê Thị T theo hồ sơ số 000137.TA.001. Tài sản này đã được thế chấp tại S theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số REF2317300238/HDTC/TH2-PNC/1 ngày 23/6/2023 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

** Đối với bị đơn ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T:*

Theo các Biên bản xác minh ngày 16/10/2024, ngày 26/6/2025 và ngày 16/12/2025 bà Lê Thị C1 - là mẹ đẻ của ông Phạm Ngọc C trình bày: Ông Phạm Ngọc C là con trai của bà, kết hôn với bà Lê Thị T vào năm 2008. Ông C và bà Tđăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Lý Đông, xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay ông C và bà Tkhông có mặt tại địa phương. Ông C và bà Tđã đi khỏi nhà từ năm 2023 (về tháng bà không nhớ). Từ khi đi cho đến nay ông C và bà T không liên lạc về với ai trong gia đình bà. Đến nay theo bà được biết ông C và bà T đã đi nước ngoài làm ăn nhưng đi nước nào thì bà không biết.

Về khoản nợ vay của Ngân hàng: Bà biết ông C và bà Tcó vay của Ngân hàng để mở xưởng may. Tuy nhiên làm ăn thua lỗ, phá sản nên xưởng may không còn hoạt động và đóng cửa từ năm 2023 cho đến nay. Sau khi đóng cửa xưởng may thì ông C và bà Tbỏ đi từ khỏi địa phương, không có tin tức gì.

Gia đình bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Do bà không

biết ông C và bà Tở đâu nên bà không giao hoặc thông báo được. Bà cam đoan khi nào ông C và bà Tvề bà sẽ giao ngay lại cho ông C và bà T.

Theo Xác nhận thông tin về cư trú số 001008/XN ngày 16/10/2024 của Công an xã B, huyện C1 nay là công an xã B, tỉnh Thanh Hóa thể hiện ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ1, xã B, huyện C1, tỉnh Thanh Hóa và có đăng ký tạm trú tại số nhà 237 Nguyễn Văn P, tổ 2, ấp 2, xã M, thành phố L1, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự số 04/QĐST - DS ngày 11/11/2024 cho Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 28/11/2024 Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 839/TB - TLVA và tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T. Ông C đã nhận được Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C và bà Tvẫn không đến Tòa án để làm việc.

Theo kết quả trả lời xác minh ngày 15/01/2025 của Công an xã M, thành phố L1, tỉnh Đồng Tháp hiện ông C và bà Tkhông có mặt tại nơi đăng ký tạm trú nên Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự số 02/2025/QĐST - DS ngày 05/02/2025 cho Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bị đơn trên Đài Tiếng nói Việt Nam và Báo Pháp luật Việt Nam nhưng bị đơn ông C và bà Tvẫn không đến tham gia tố tụng, không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án để được xem xét giải quyết.

Tại Công văn số 1575/PA08-T1 ngày 02/7/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thanh Hóa về việc cung cấp thông tin, tài liệu thể hiện:

Công dân Phạm Ngọc C, sinh ngày 05/3/1980, địa chỉ: Thôn Đ1, xã B, huyện C1, Thanh Hóa; xuất cảnh ngày 09/9/2008 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài bằng hộ chiếu số B1871277, nhập cảnh ngày 18/5/2010. Lần xuất cảnh gần nhất ngày 13/01/2025 bằng hộ chiếu số P02663520 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại (có danh sách lịch sử xuất nhập cảnh kèm theo).

Công dân Lê Thị T, sinh ngày 02/02/1981, địa chỉ: Thôn Đ1, xã B, huyện C1, Thanh Hóa; xuất cảnh ngày 17/01/2024 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài bằng hộ chiếu số B01157956, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại (có danh sách lịch sử xuất nhập cảnh kèm theo).

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện, buộc ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải trả nợ cho S số tiền tạm tính đến ngày 20/01/2026 là:

+ Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 là:

Nợ gốc: 400.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 48.703.450đ, nợ lãi quá hạn: 143.872.662đ. Tổng cộng: 592.576.112đ.

+ Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023:

Nợ gốc: 20.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 2.578.674đ, nợ lãi quá hạn: 24.319.966đ. Tổng cộng: 46.898.640đ.

Tổng dư nợ của 02 Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc: 420.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 51.282.124đ, nợ lãi quá hạn: 168.192.628đ. Tổng cộng: 639.474.752đ (Sáu trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 21/01/2026 đối với các khoản nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên và theo pháp luật.

Nếu ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T không trả đúng và đủ số tiền còn nợ, S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm xác lập theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số REF2317300238/HDTC/TH2-PNC/1 ngày 23/6/2023 để đảm bảo thu hồi nợ.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357; Điều 463, Điều 466; Điều 468 BLDS xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 20/01/2026 là:

+ Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 là:

Nợ gốc: 400.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 48.703.450đ, nợ lãi quá hạn: 143.872.662đ. Tổng cộng: 592.576.112đ.

+ Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023:

Nợ gốc: 20.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 2.578.674đ, nợ lãi quá hạn: 24.319.966đ. Tổng cộng: 46.898.640đ.

Tổng dư nợ của 02 Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc: 420.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 51.282.124đ, nợ lãi quá hạn: 168.192.628đ. Tổng cộng: 639.474.752đ (Sáu trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Buộc ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đến ngày ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T trả hết phần dư nợ gốc cho S.

Trường hợp ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T không trả đúng và đủ số tiền còn nợ, S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm xác lập theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF2317300238/HDTC/TH2-PNC/1 ngày 23/6/2023 để đảm bảo thu hồi nợ.

- Về án phí: Ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải chịu toàn bộ án phí giá ngạch tài sản. Trả lại cho S số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (S) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T trả nợ theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023; mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ1, xã B, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Bị đơn ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông C và bà Tvẫn vắng mặt không có lý

do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng ông C và bà T.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải trả nợ theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023 tính đến ngày 20/01/2026 tổng dư nợ của 02 Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc: 420.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 51.282.124đ, nợ lãi quá hạn: 168.192.628đ. Tổng cộng: 639.474.752đ (Sáu trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023 được ký kết giữa S và ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận, giao kết đều phù hợp với quy định pháp luật, đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 BLDS và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên hợp đồng có hiệu lực. Hai bên thỏa thuận trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, trả gốc vào ngày kết thúc thời hạn duy trì hạn mức thấu chi. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 20/9/2023, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023. Do đó, căn cứ vào Điều 7 của Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi Ngân hàng được quyền chấm dứt cho vay và thu hồi vốn vay trước hạn, ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét về số tiền Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T trả nợ thì thấy: Tính đến ngày 20/01/2026 ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T đã trả cho Ngân hàng: Tiền gốc: 0đ, tiền lãi: 8.751.427đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng). Lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng là lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14,29%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 20/01/2026 tổng dư nợ của 02 Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc: 420.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 51.282.124đ, nợ lãi quá hạn: 168.192.628đ. Tổng cộng: 639.474.752đ (Sáu trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

[2. 2]. Xét yêu cầu được kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của nguyên đơn: Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số

REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ký ngày 23/6/2023, Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số REF2317300238/HDTC/TH2-PNC/1 ngày 23/6/2023 đã được ký kết giữa các bên, theo đó ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 581-2, tờ bản đồ số 3, diện tích: 90,4m^2. Địa chỉ thửa đất: Xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T2, tỉnh Thanh Hóa). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 646440, số vào sổ cấp GCN: CH - 01878 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 14/11/2019 cho bà Phạm Thị M. Ngày 21/10/2022 đã tặng cho toàn bộ thửa đất cho bà Lê Thị T theo hồ sơ số 000137.TA.001. Tài sản này đã được thế chấp tại S theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số REF2317300238/HDTC/TH2-PNC/1 ngày 23/6/2023 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay theo các Hợp đồng tín dụng.

Hiện tại, ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên trong trường hợp ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì cần phải phát mại tài sản đã thế chấp theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự để thu hồi nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quyền được phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3]. Về án phí: Bị đơn ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải chịu toàn bộ án phí giá ngạch tài sản. Trả lại cho S số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 292, 299, 357, 463, 466, 468, 317, 320, 323 BLDS; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T.

Buộc ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 20/01/2026 là:

+ Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2317300238/HDTD/TH2-PNC ngày 23/6/2023 là:

Nợ gốc: 400.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 48.703.450đ, nợ lãi quá hạn: 143.872.662đ. Tổng cộng: 592.576.112đ.

+ Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 05/6/2023:

Nợ gốc: 20.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 2.578.674đ, nợ lãi quá hạn: 24.319.966đ. Tổng cộng: 46.898.640đ.

Tổng dư nợ của 02 Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc: 420.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 51.282.124đ, nợ lãi quá hạn: 168.192.628đ. Tổng cộng: 639.474.752đ (Sáu trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/01/2026 theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp cho vay theo hạn mức thấu chi, Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân trên số tiền nợ gốc còn phải trả 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) cho đến khi trả xong nợ gốc này.

Trường hợp ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 581-2, tờ bản đồ số 3, diện tích: 90,4m^2. Địa chỉ thửa đất: Xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T2, tỉnh Thanh Hóa). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 646440, số vào sổ cấp GCN: CH - 01878 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 14/11/2019 cho bà Phạm Thị M. Ngày 21/10/2022 đã tặng cho toàn bộ thửa đất cho bà Lê Thị T theo hồ sơ số 000137.TA.001. Tài sản này đã được thế chấp tại S theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số REF2317300238/HDTC/TH2-PNC/1 ngày 23/6/2023 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật để bảo đảm thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Ngọc C và bà Lê Thị T phải chịu 29.579.000đ (Hai mươi chín triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng) án phí giá ngạch tài sản.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 12.320.000đ (Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Phòng Thi

hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hóa theo biên lai thu số 0003024 ngày 20/5/2024.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đức Cường **Lê Thị Dệt** **Nguyễn Thị Huệ**